

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2023**

(Số liệu tính đến hết ngày 31/10/2023)

Kèm theo Báo cáo số: /BC-LĐLĐ, ngày / /2023 của BTV LĐLĐ/Công đoàn...

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu (%)
<b>I. Tình hình CNVCLĐ việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với NLĐ</b>				
<b>1. Tiền lương của người lao động.</b>				
1.	Số DN nợ lương người lao động	DN		
2.	Số tiền lương DN nợ người lao động	triệu đồng		
<b>2. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.</b>				
3.	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN		
4.	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng		
<b>3. Tranh chấp lao động tập thể, đình công.</b>				
5.	Số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra, trong đó:	vụ		
6.	+ DN nhà nước	vụ		
7.	+ DN ngoài nhà nước	“		
8.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“		
<b>4. Công tác an toàn, vệ sinh lao động.</b>				
9.	Số vụ tai nạn lao động, trong đó:	vụ		
10.	+ DN có công đoàn	“		
11.	+ DN không có công đoàn	“		
12.	Số người bị tai nạn lao động, trong đó:	người		
13.	+ DN có công đoàn	“		
14.	+ DN không có công đoàn	“		
15.	Số vụ tai nạn lao động chết người, trong đó:	vụ		
16.	+ DN có công đoàn	“		
17.	+ DN không có công đoàn	“		
18.	Số người chết vì tai nạn lao động, trong đó:	người		
19.	+ DN có công đoàn	“		
20.	+ DN không có công đoàn	“		
21.	Số người mắc bệnh nghề nghiệp, trong đó:	người		
22.	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	“		
23.	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu (%)
24.	Số an toàn vệ sinh viên	người		
<b>II. Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.</b>				
	<b>1. Thỏa ước lao động tập thể.</b>			
25.	Số DN có thỏa ước lao động tập thể, trong đó:	DN		
26.	+ DN nhà nước	“		
27.	+ DN ngoài nhà nước	“		
28.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“		
	<b>2. Thực hiện quy chế dân chủ.</b>			
29.	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị CBCCVC	đơn vị		
30.	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CBCCVC	“		
31.	Số DN nhà nước đã tổ chức hội nghị NLĐ	DN		
32.	Số DN ngoài nhà nước đã tổ chức hội nghị NLĐ	“		
33.	Số DN Nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, trong đó:	“		
34.	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
35.	+ Đối thoại đột xuất	“		
36.	Số DN ngoài nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, trong đó:	“		
37.	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
38.	+ Đối thoại đột xuất	“		
39.	Số cơ quan, đơn vị, DN đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó:	đơn vị, DN		
40.	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	đơn vị		
41.	+ DN nhà nước	DN		
42.	+ DN ngoài nhà nước	“		
	<b>3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.</b>			
	+ Số cuộc công đoàn chủ trì giám sát	Cuộc		
	+ Số cuộc công đoàn tham gia giám sát	“		
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	“		
	<b>4. Công tác tư vấn pháp luật, đại diện bảo vệ tại tòa án.</b>			

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu (%)</b>
43.	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người		
44.	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
<b>5. Chăm lo lợi ích đoàn viên và người lao động.</b>				
45.	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	lượt người		
46.	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
47.	Số thỏa thuận hợp tác được ký mới trong kỳ báo cáo	bản		
48.	Số đoàn viên và người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	lượt người		
49.	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng		
50.	Công đoàn cơ sở DN thương lượng với người sử dụng lao động điều chỉnh giá trị bữa ăn ca từ 18 nghìn đồng/suất trở lên	đơn vị		
51.	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, người lao động đóng góp và các tổ chức, cá nhân tài trợ), trong đó:			
52.	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
53.	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm Công đoàn”	nhà		
54.	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa	triệu đồng		
55.	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vi mô), trong đó:			
56.	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
57.	+ Số người được cho vay	người		
58.	Quỹ quốc gia về việc làm			
59.	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
60.	+ Số người được cho vay	người		
<b>III. Công tác thi đua, khen thưởng.</b>				
	<b>1. Sáng kiến.</b>			
61.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
62.	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
63.	Tiền thưởng sáng kiến	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu (%)
	<b>2. Công trình sản phẩm thi đua.</b>			
64.	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	công trình, sản phẩm		
65.	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
66.	Số người đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	người		
<b>IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục.</b>				
67.	Số đoàn viên, người lao động nơi có tổ chức công đoàn được học tập, tuyên truyền, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của Công đoàn	lượt người		
68.	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	“		
69.	Số đoàn viên, người lao động được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	“		
<b>V. Công tác nữ công.</b>				
70.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị		
71.	Số công đoàn cơ sở khu vực hành chính, sự nghiệp; DN nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên; trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
72.	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	“		
73.	Số công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên, trong đó:	CĐCS		
74.	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
75.	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	“		
76.	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng, trong đó:	người		
77.	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	người		
78.	+ Công đoàn cơ sở khu vực hành chính, sự nghiệp; DN nhà nước	“		
79.	+ Công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước	người		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu (%)
80.	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, trong đó:	người		
81.	+ Khu vực hành chính, sự nghiệp và DN nhà nước	“		
82.	+ Khu vực ngoài nhà nước	“		
<b>VI. Công tác kiểm tra, tài chính.</b>				
83.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ báo cáo	đơn vị		
84.	Kiểm tra tài chính tại công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước	DN		
85.	Số DN thực hiện việc nộp kinh phí công đoàn qua tài khoản Công đoàn Việt Nam trong kỳ báo cáo	DN		
<b>VII. Công tác tổ chức.</b>				
	<b>1. Tổng số CNVCLĐ, đoàn viên công đoàn, công đoàn cơ sở.</b>			
86.	Tổng số CNVCLĐ	người		
	Trong đó: Nữ	người		
87.	Tổng số đoàn viên công đoàn, trong đó:	đoàn viên		
88.	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“		
89.	+ Tổng số đoàn viên giảm	“		
90.	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm thực tế)	“		
91.	Tổng số công đoàn cơ sở, trong đó:	CĐCS		
92.	+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	“		
93.	+ DN nhà nước	“		
94.	+ DN ngoài nhà nước	“		
95.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“		
96.	+ Nghiệp đoàn	NĐ		
97.	Số DN có 25 công nhân lao động trở lên, trong đó:	DN		
98.	+ Số DN đã thành lập công đoàn cơ sở	“		
99.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		
	<b>2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng.</b>			
100.	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào	lượt người		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu (%)
	tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn			
101.	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	“		
	<b>3. Giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng bồi dưỡng xem xét, kết nạp.</b>			
102.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		
103.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	“		
	<b>4. Chất lượng hoạt động công đoàn các cấp.</b>			
104.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, <i>trong đó:</i>	đơn vị		
105.	- Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		
106.	Tổng số công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, <i>trong đó:</i>	CĐCS		
107.	- Số công đoàn cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ, <i>trong đó:</i>	CĐCS		
108.	+ Số công đoàn cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		
109.	- Số công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ, <i>trong đó:</i>	CĐCS		
110.	+ Số công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		